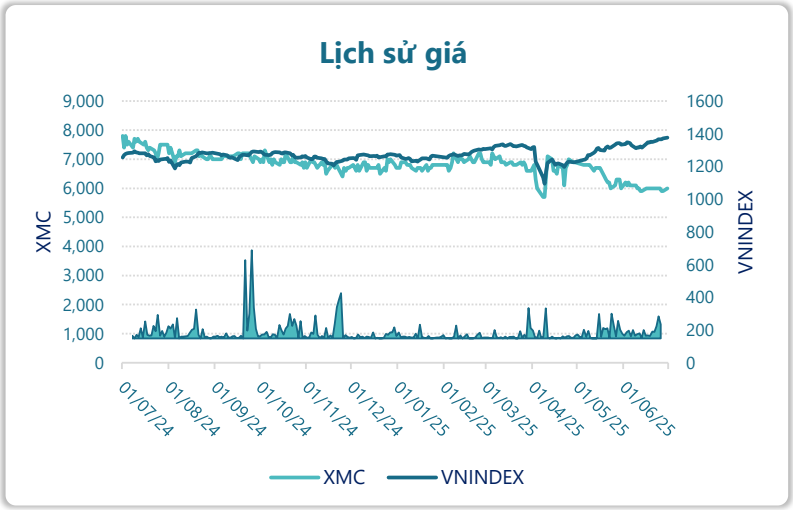
FireAnt

CTCP Đầu tư và Xây dựng Xuân Mai (UPCOM: XMC)



Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**6,000**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	7,800
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	5,700
SL cổ phiếu LH	71,403,929
KLGD BQ 20 phiên (CP)	11,940
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	428
P/E	43.3
EPS	139

DT thuần

Q2/25

566

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 302| 114%

YoY: ▲ 60.0| 11.9%

LN sau thuế

Q2/25

13.3

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 21.5| 263%

YoY: ▲ 5.09| 61.8%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

4.7%

+/- YoY: ▼ 2.0%

DT thuần

6T 2025

830

tỷ VNĐ

YoY: ▼150| -15.3%

LN sau thuế

6T 2025

5.12

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 2.43| 90.2%

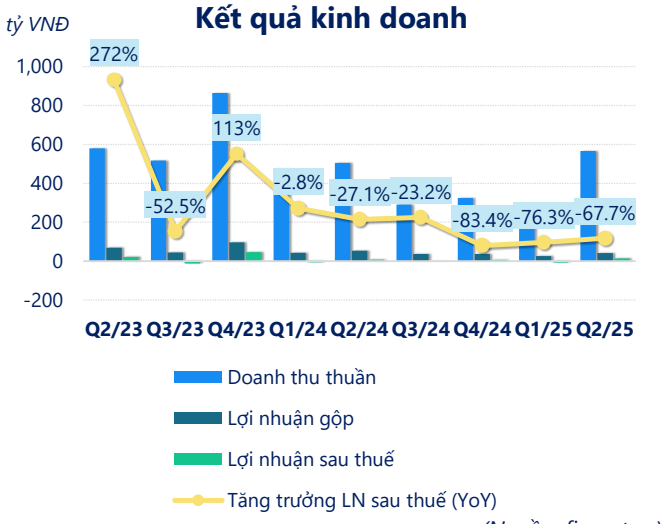
ROE

Q2/25

1.1%

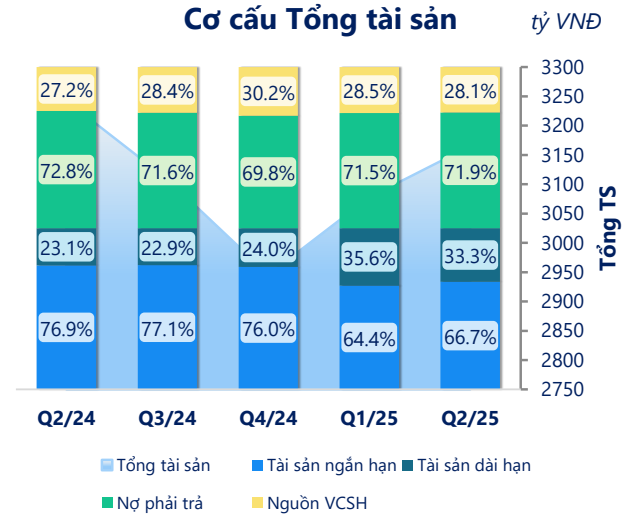
+/- YoY: ▼ 3.1%

Kết quả kinh doanh



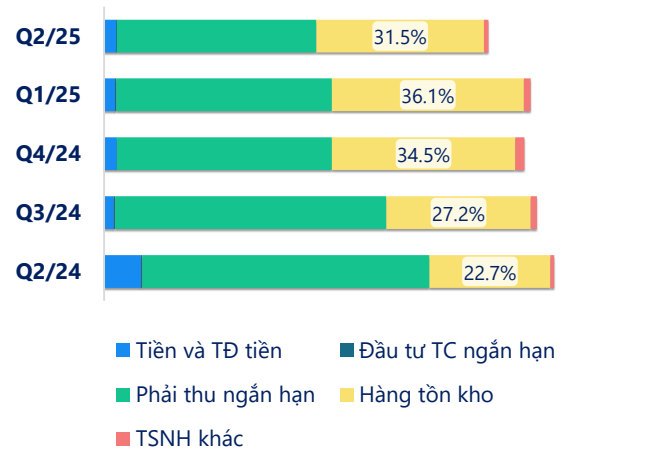
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



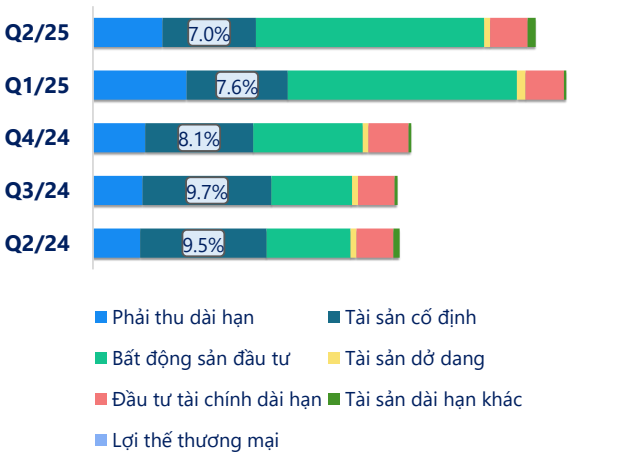
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



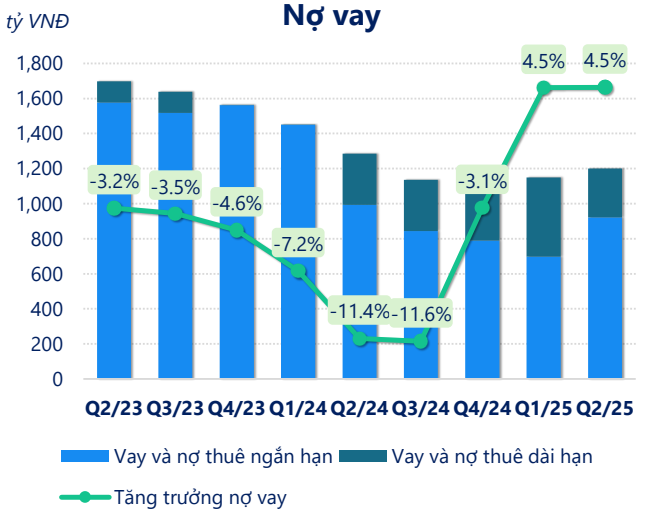
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



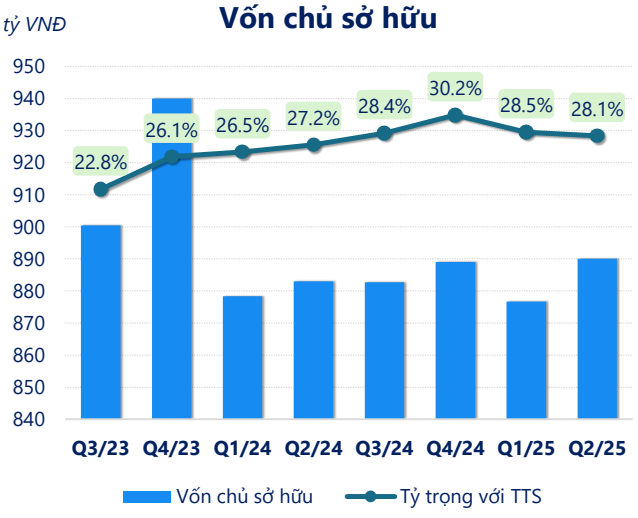
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



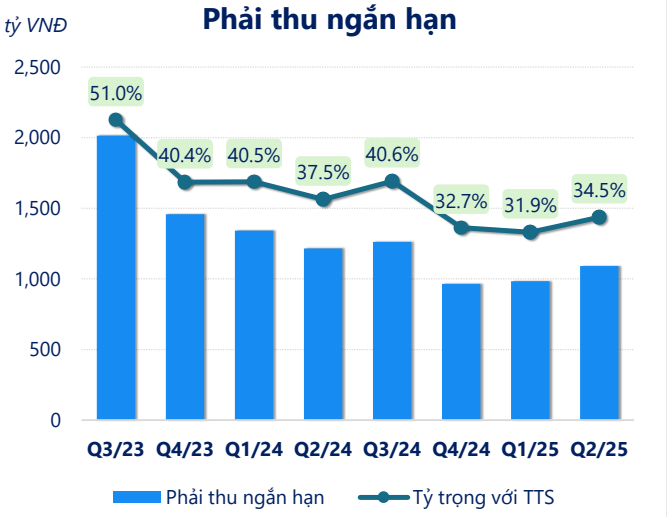
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



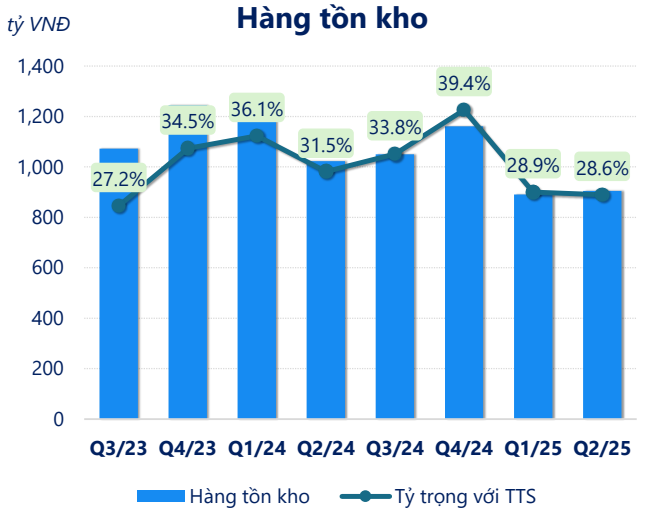
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



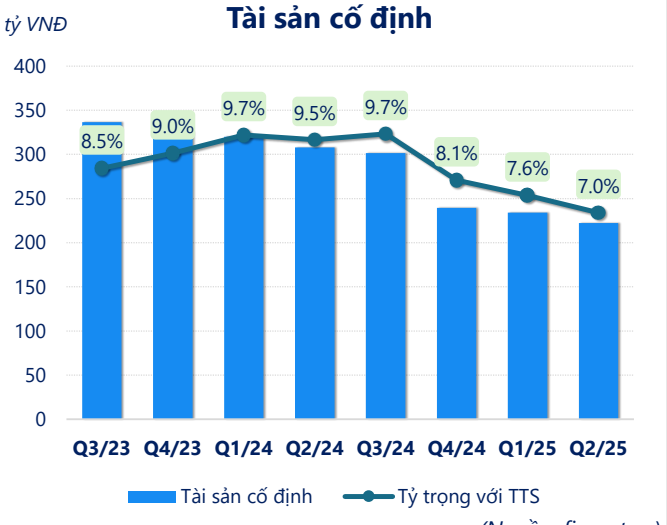
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



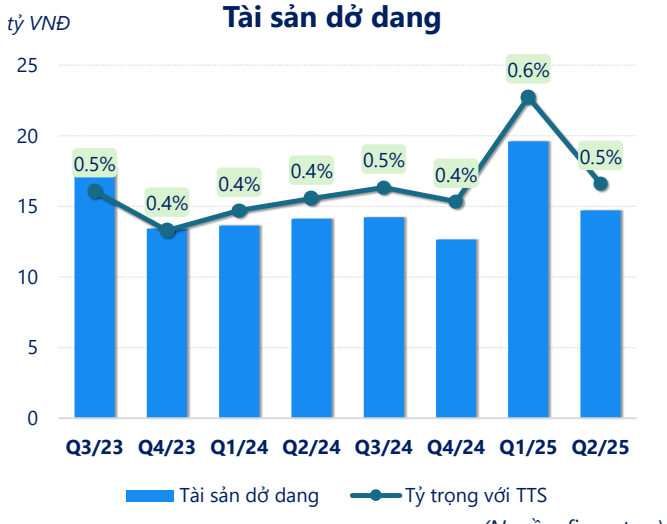
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



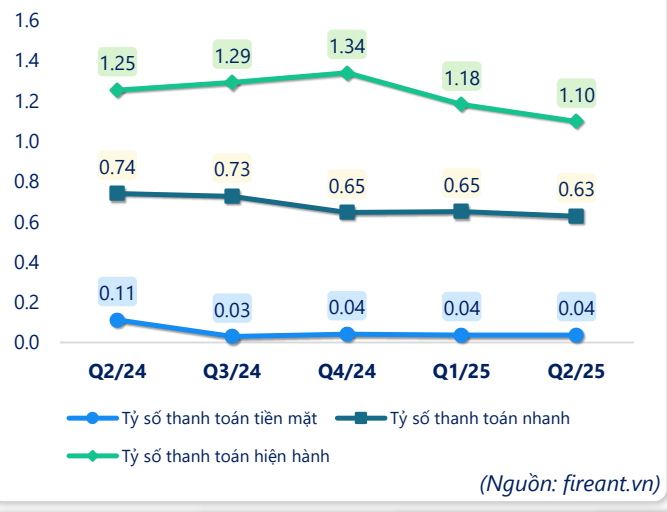
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



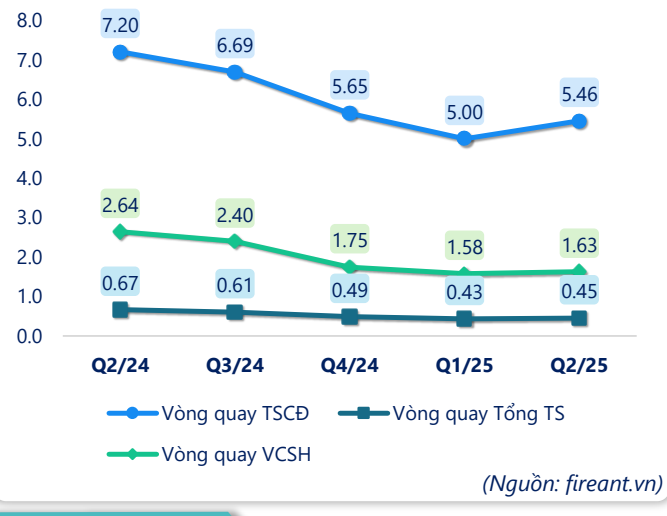
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	**3,243**	**3,109**	**2,946**	**3,078**	**3,165**
Tài sản ngắn hạn	**2,495**	**2,396**	**2,240**	**1,982**	**2,111**
Tiền và tương đương tiền	223	55.6	70.3	62.8	71.3
Đầu tư tài chính ngắn hạn	5.04	10.0	10.0	10.0	8.54
Phải thu ngắn hạn	1,216	1,262	964	983	1,091
Hàng tồn kho	1,023	1,050	1,161	891	905
Tài sản ngắn hạn khác	27.2	18.5	35.0	35.4	34.4
Tài sản dài hạn	**748**	**712**	**706**	**1,096**	**1,054**
Phải thu dài hạn	115	116	116	217	166
Tài sản cố định	308	302	239	234	222
Bất động sản đầu tư	205	188	243	531	543
Tài sản dở dang	14.1	14.2	12.7	19.6	14.7
Đầu tư tài chính dài hạn	90.5	85.5	89.2	89.2	89.2
Tài sản dài hạn khác	14.8	6.72	6.19	5.82	19.1
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**2,360**	**2,226**	**2,057**	**2,201**	**2,275**
Nợ ngắn hạn	**1,989**	**1,855**	**1,672**	**1,676**	**1,923**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	993	844	789	698	922
Phải trả người bán ngắn hạn	533	495	418	422	467
Nợ dài hạn	371	371	385	525	352
Vay và nợ thuê dài hạn	292	292	311	451	279
Nguồn vốn chủ sở hữu	**883**	**883**	**889**	**877**	**890**
Vốn chủ sở hữu	**883**	**883**	**889**	**877**	**890**
Vốn điều lệ	714	714	714	714	714
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)